

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 320/2024/DS-PT

Ngày 29 -11 -2024

V/v “Yêu cầu chia tài sản
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Tuyết

Các thẩm phán: Ông Văn Công Dân, bà Nguyễn Thị Thu Trang

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 228/2024/TLPT-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2024, về việc “Yêu cầu chia tài sản chung”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2024/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Ea H’leo, tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 296/2024/QĐ-PT, ngày 23 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hồ Minh H, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đăk Lăk (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Trần Anh T, sinh năm 1999; địa chỉ: 2 L, phường G, quận G, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Hồ Minh Đ, sinh năm 1954 và bà Lê Thị Q, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đăk Lăk(vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Bùi Thế V, sinh năm 1994 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1997; địa chỉ: 1 Đường số B, phường H, quận G, thành phố Hồ Chí Minh(vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hồ Minh C, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế(vắng mặt).

2. Bà Hồ Thị V1, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn I, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk(vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của ông C, bà V1: Ông Lê Đức H1, sinh năm 1995; địa chỉ: A đường V, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh(vắng mặt).

3. Bà Hồ Thị Thúy H2, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk(vắng mặt).

4. Bà Hồ Thị T1, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk(vắng mặt).

5. Ông Hồ Minh L, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk(vắng mặt).

6. Ông Hồ Minh V2, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk(vắng mặt).

7. Ông Hồ Minh Đ1, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk(vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H2, ông T1, ông L, ông V2, ông Đ1: Ông Hoàng Thế T2, sinh năm 1999; địa chỉ: A đường V, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

8. Ông Phạm Văn H3, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk(vắng mặt).

9. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk(vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Hồ Minh H, ông Hồ Minh Đ, bà Lê Thị Q, ông Hồ Minh C, bà Hồ Thị Thúy H2, bà Hồ Thị T1, bà Hồ Thị V1, ông Hồ Minh L, ông Hồ Minh V2, ông Hồ Minh Đ1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, trình bày:**

Hộ gia đình ông Hồ Minh Đ có 10 nhân khẩu gồm có các thành viên: Hồ Minh Đ (cha); Lê Thị Q (mẹ) và các con Hồ Minh C; Hồ Thị Thúy H2; Hồ Thị T1; Hồ Minh H; Hồ Thị V1; Hồ Minh L; Hồ Minh V2; Hồ Minh Đ1. Hộ gia đình cùng khai phá, tạo lập, sử dụng ổn định các thửa đất sau: thửa đất số 69 (diện tích thực tế 3.494,1m²); thửa đất số: 70 (diện tích thực tế 412,6m²); thửa đất số: 70b (diện tích thực tế 1.266,6m²) cùng tờ bản đồ số 34; thửa số 07 diện tích 4.060m² tờ bản đồ số 35; địa chỉ: xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; ngày 29/11/2002 được Ủy ban Nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp GCNQSDĐ số U099943 cho hộ gia đình của ông Hồ Minh Đ. Thửa đất số: 28 (diện tích thực tế 13.222,6 m²), tờ bản đồ số: 49, tại xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, được cấp GCNQSDĐ số AH 938581 năm 2006 cũng mang tên hộ ông Hồ

Minh Đ, đất khai hoang khoảng trước năm 1985. Các thửa đất này chưa tiến hành bất cứ thủ tục phân chia nào.

Tháng 8/2022 ông H và các anh chị em trong gia đình biết cha mẹ có nợ tiền của ông Phạm Văn H3, nên Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ea H'leo có thông báo về việc cưỡng chế thi hành án số: 2988/TB-CCTHADS ngày 18/8/2022; Quyết định thi hành án số: 1183/QĐ-CCTHADS ngày 23/06/2020 và Quyết định thi hành án số: 212/QĐ-CCTHADS ngày 16/10/2020. Nhưng việc ông Hồ Minh Đ và bà Lê Thị Q vay tiền của ông H3 không liên quan đến các thành viên còn lại.

Gia đình ông Đ đã họp phân chia tài sản chung nhưng không thống nhất được. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu Toà án chia tài sản chung của hộ gia đình là quyền sử dụng đất; còn các tài sản trên đất thì ông cho rằng 01 ngôi nhà và cây trồng trên các thửa đất 28 tờ bản đồ 49 là của ông H, các tài sản gồm 01 ngôi nhà và cây trồng trên các thửa 69, 70, 70b là của ông L nên không yêu cầu chia các tài trên đất. Ông H yêu cầu chia tài sản là QSDĐ thành 10 phần bằng nhau. Ông H yêu cầu được nhận bằng hiện vật và thanh toán giá trị cho các thành viên còn lại bằng tiền. Thửa số 69,70, 70b giao cho ông L đại diện các anh chị em trong hộ cùng sở hữu chung tiếp tục canh tác, sử dụng.

*** Ông Lê Đức H1 (người đại diện theo uỷ quyền của bà Hồ Thị V1; ông Hồ Minh C), trình bày tại bản tự khai:**

Trước đây hộ gia đình ông Hồ Minh Đ cùng nhau tạo lập và canh tác các thửa đất 69 (diện tích thực tế 3494,1m²); 70 (diện tích thực tế 412,6m²); 70b (diện tích thực tế 1.266,6m²) cùng tờ bản đồ số 34; thửa số 07 diện tích 4.060m², tờ bản đồ số 35; địa chỉ: Xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; năm 2002 được Ủy ban Nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất U099943 và thửa số 28 diện tích 13.222,6m², tờ 49 được cấp giấy chứng nhận số AH 938581 năm 2006, đều mang tên hộ ông Hồ Minh Đ. Bà V1 và ông C thống nhất với yêu cầu khởi kiện và cách phân chia tài sản của ông Hồ Minh H.

*** Ông Bùi Thế V (đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Đ, bà Q) trình bày:**

Trước đây hộ ông Đ bà Q có khai hoang, cùng nhau tạo lập được các thửa đất: 69 (diện tích thực tế 3494,1m²); 70 (diện tích thực tế 412,6m²); 70b (diện tích thực tế 1.266,6m²) cùng tờ bản đồ số 34 và thửa số 07 tờ bản đồ số 35, diện tích 4.060m², địa chỉ tại xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất U099943 vào ngày 29/11/2002 cho hộ gia đình của ông Hồ Minh Đ và thửa đất số: 28 (diện tích thực tế 13222,6 m²), tờ bản đồ số: 49, địa chỉ: xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AH 938581 năm 2006. Các thửa đất này đều được tất cả các thành viên trong hộ gia đình quản lý, canh tác, ông Đ, bà Q phụ trách chính. Hiện nay do sức khỏe yếu và lớn tuổi nên ông Đ, bà Q không canh tác nữa và có thoả thuận giao cho ông H, ông L quản lý, canh tác và phụ trách.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông H thì gia đình ông Đ đã thống nhất đồng ý chia đều các thửa đất trên cho tất cả 10 thành viên trong hộ gia đình, mỗi người một phần bằng nhau theo yêu cầu của anh H.

*** Ông Hoàng Thế T2 (đại diện theo uỷ quyền của bà Hồ Thị Thúy H2, ông Hồ Minh T3; ông Hồ Minh L, ông Hồ Minh V2, ông Hồ Minh Đ1) trình bày:**

Trước đây hộ ông Đ bà Q có cùng nhau tạo lập và canh tác các thửa đất: 69 (diện tích thực tế 3494,1m²); 70 (diện tích thực tế 412,6m²); 70b (diện tích thực tế 1.266,6m²) cùng tờ bản đồ số: 34 và thửa số 07 tờ bản đồ số 35, diện tích 4.060m², địa chỉ tại xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, ngày 29/11/2002 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất U099943; Thửa đất số: 28 (diện tích thực tế 13.222,6 m²), tờ bản đồ số: 49 có địa chỉ: xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AH 938581 năm 2006.

Trên các thửa 69, 70, 70b và 07 ông L có xây dựng 01 căn nhà cấp 4 và ở sinh sống từ năm 2017 cho đến nay đồng thời ông L trồng 100 cây sầu riêng (30 cây đã có trái và 70 cây mới trồng 02 năm); 40 cây dừa đã có trái; 200 trụ tiêu. Trước yêu cầu khởi kiện của ông H thì ông L mong muốn được đứng sổ chung với các anh chị em trong gia đình và tiếp tục sinh sống, canh tác trên các thửa đất 69, 70, 70b tờ bản đồ 34 và thửa 07 tờ bản đồ 35. Hiện nay các thành viên trong hộ đều thống nhất với cách chia trên.

*** Ông Nguyễn Xuân H4 (đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Hồ Minh H), trình bày:** Tất cả 10 thành viên trong hộ gia đình ông Hồ Minh H trước đây đã cùng nhau tạo lập và canh tác thửa đất số: 69 (diện tích thực tế 3.494,1m²); thửa đất số: 70 (diện tích thực tế 412,6m²); thửa đất số: 70b (diện tích thực tế 1.266,6m²) cùng tờ bản đồ số: 34 và thửa số 07 tờ bản đồ số 35, diện tích 4.060m², địa chỉ tại xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, năm 2002 được Ủy ban Nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất U099943 mang tên hộ gia đình của ông Hồ Minh Đ; Thửa đất số: 28 (diện tích thực tế 13222,6 m²), tờ bản đồ số: 49 có địa chỉ: xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, được cấp giấy chứng nhận QSDĐ năm 2006, số AH 938581.

Nay ông H đã khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và các anh em trong gia đình ông H thống nhất chia tài sản chung của hộ như sau: Thửa đất số 28, tờ bản đồ 49 diện tích 12.221m² có 300 trụ tiêu 6 năm tuổi do ông H quản lý sử dụng và canh tác nên thống nhất chia làm 10 phần đều có diện tích bằng nhau (có bản vẽ kèm theo), ông Đ và bà Q sẽ sử hữu phần đất số 1 và số 2 có diện tích 2.444,1m². Diện tích còn lại từ số 3 đến số 10 và tài sản trên các thửa đất này thì do ông H đại diện các anh chị em trong hộ sử hữu chung và tiếp tục canh tác, sử dụng. Đối với các thửa: 69-70-70b cùng tờ bản đồ số: 34 đang giao cho ông L quản lý canh tác và sử dụng, vì ông L xây nhà, trồng cây trên đất từ phần được đánh số 01-09 (có bản tự vẽ mô phỏng kèm theo), để tránh thiệt hại đến tài sản của ông L nên toàn thể các thành viên trong hộ đã đồng ý chia cho ông Đ và bà Q sử hữu thửa số 70, tờ 34 tương ứng với vị trí số 10 trong bản vẽ mô phỏng.

Thửa số 69,70b giao cho ông L đại diện các anh chị em trong hộ cùng sở hữu chung tiếp tục canh tác, sử dụng.

Tại biên bản hoà giải ngày 09/01/2024 ông Nguyễn Xuân H4, ông Lê Đức H1, bà Nguyễn Thị N, ông Hoàng Thế T2 (đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bị đơn và các thành viên khác trong hộ ông Đ) đều thống nhất yêu cầu được chia như sau:

+ Quyền sử dụng đất các thửa: 69-70-70b cùng tờ bản đồ số: 34 có tổng diện tích thực tế là: 5173,3 m² trong đó ông Đ, bà Q sẽ sở hữu chung với tỷ lệ: 02/10 tương ứng diện tích: 1.034,66m² và ông Hồ Minh L sẽ đại diện các thành viên còn lại đứng sở hữu chung với tỷ lệ: 08/10 tương ứng diện tích: 4138,64 m² vị trí phần đất được phân chia theo bản đồ của Toà án đo vẽ như sau:

Ông Hồ Minh Đ và Lê Thị Q cùng sở hữu nhận một phần thửa đất số: 69 có tứ cạnh: Hướng đông là đường nối dài của hai điểm toạ độ (3) và (4) có chiều dài 119,81m; Hướng bắc giáp đường đất có chiều dài 10m tính từ điểm toạ độ (3) hướng sang; Hướng tây là đường thẳng song song với ranh đất phía đông, tính từ mặt đường nối dài cho đến hết ranh của thửa đất; Hướng nam là hai điểm nối của ranh giới còn lại.

Ông Hồ Minh L sẽ đại diện các thành viên trong hộ còn lại sở hữu phần đất các thửa 70, 70b và một phần thửa 69 còn lại sau khi trừ phần đất của ông Đ, bà Q.

Đối với các tài sản (căn nhà cấp 4) và tất cả các cây trồng trên các thửa đất: 69-70-70b tờ bản đồ số: 34 là của ông Hồ Minh L tạo lập, xây dựng và đang canh tác, các thành viên trong hộ không yêu cầu chia và không tranh chấp.

+ Quyền sử dụng đất thửa: 28, tờ bản đồ số: 49 có tổng diện tích thực tế là: 13.222,6 m² trong đó ông Đ, bà Q sẽ sở hữu chung với tỷ lệ: 02/10 tương ứng diện tích: 2.644,52 m² và ông Hồ Minh H sẽ đại diện các thành viên còn lại đứng sở hữu chung với tỷ lệ: 08/10 tương ứng diện tích: 10.578,08 m² vị trí phần đất được phân chia theo bản đồ của Toà án đo vẽ như sau:

Ông Hồ Minh Đ và Lê Thị Q cùng sở hữu nhận một phần thửa đất số: 28 có tứ cạnh theo các điểm toạ độ trong bản vẽ lần lượt là: (4) – (19) – (20) – (21) – (22) – (23) – (24) – (1) – (2) – (3) – (4).

Ông Hồ Minh H sẽ đại diện các thành viên trong hộ còn lại sở hữu phần đất còn lại của thửa 28 có tứ cạnh theo các điểm toạ độ trong bản vẽ lần lượt là: (4) – (5) – (6) – (7) – (8) – (9) – (10) – (11) – (12) – (13) - (14) – (15) – (16) – (17) – (18) – (19) – (4).

Riêng đối với các tài sản cây trồng có trên thửa đất số 28 tờ bản đồ số 49 là của ông Hồ Minh H, các thành viên trong hộ không yêu cầu chia và không tranh chấp về sau.

* **Quá trình tham gia tố tụng ông Phạm Văn H3 trình bày:** Không đồng ý với phương án chia tài sản của ông Đ bà Q và các con của họ. Vì toàn bộ tài sản nói trên đều là của ông Đ, bà Q, chứ các con ông Đoàn bà Q1 ăn học không có công sức

đóng góp gì. Mục đích họ chia tài sản là để trốn tránh nghĩa vụ trả số nợ 1.123.566.000đ cho tôi.

*** Ý Kiến của ông Bùi L1 – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo:** Các thửa đất mà gia đình ông Đ, bà Q1 yêu cầu chia nói trên đã bị chi cục thi hành án dân sự kê biên để thực hiện nghĩa vụ thi hành án dân sự đối với ông H3. Đề nghị Toà án giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật, xác định phần nào thuộc về ông Đ bà Q1 và phần nào thuộc về các con của ông Đ bà Q1 để Cơ quan thi hành án dân sự thi hành theo quy định của pháp luật.

*** Ông Hồ Minh Đ:** Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/7/2024 trình bày: thửa đất số 07 tờ bản đồ số 35, ông đã bán cho ông Lê T4 vào khoảng thời gian 2007-2008 và sau đó một thời gian thì ông T4 bán lại cho ông T5, chứ ông Đ không quản lý sử dụng thửa đất này nữa.

*** Những người làm chứng: ông Nay Y C1, ông Lê Quang B và ông Đặng Thanh T6, đều trình bày:** Ông Hồ Minh Đ mang bản xác nhận đến nhà nhờ họ ký và nói rằng nhờ xác nhận ranh giới đề về chia cho các con mà không nói rõ nội dung xác nhận là gì, do tin tưởng nên họ ký chứ không đọc nội dung, thực chất họ chỉ biết đó là rẫy của ông Đ còn các nội dung khác như tài sản trên đất là của ai thì họ không hề biết.

Tại phiên toà sơ thẩm, ông Trần Anh T (đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn) rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia thửa đất số 07 tờ bản đồ 35 vì thửa đất này ông Hồ Minh Đ đã chuyển nhượng cho người khác từ lâu. Còn các yêu cầu khác thì giữ nguyên như ý kiến của ông Nguyễn Xuân H4 đã trình bày tại phiên hoà giải.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 43/2024/DS-ST, ngày 26/7/2024 của Tòa án nhân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 118 Bộ luật dân sự 1995 khoản 29 Điều 3 Luật đại năm 2013, các Điều 102, Điều 212 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Minh H:

Chia cho ông Hồ Minh Đ và bà Lê Thị Q 60% trên tổng các tài sản là thửa đất 69, 70, 70b tờ bản đồ 34 giấy chứng nhận QSSĐ số U099943 ngày 29/11/2002; thửa số 28 tờ bản đồ 49, giấy chứng nhận QSĐĐ số AH 938581 ngày 28/12/2006 và các tài sản trên các thửa đất này.

Chia cho ông Hồ Minh H 5,3%; Hồ Minh C 7,5%; bà Hồ Thị T1 3,2%; ông Hồ Minh L, 8,5%; bà Hồ Thị V1 3,2%; ông Hồ Minh V2 4,2%; ông Hồ Minh Đ1 5,8%; bà Hồ Thị Thúy H2 2,3% trên tổng giá trị tài sản tại các thửa đất nói trên.

Không chấp nhận chia bằng hiện vật cho những người con của ông Đ bà Q mà chia bằng giá trị tài sản ứng với giá trị tại thời điểm cơ quan Thi hành án dân sự bán đấu giá thành.

Không chấp nhận yêu cầu cho rằng tài sản trên các thửa đất 28 từ 49 là của ông Hồ Minh H và tài sản trên các thửa đất 69, 70, 70b là của ông Hồ Minh L.

Giao toàn bộ tài sản là các thửa đất 69, 70, 70b từ bản đồ 34 giấy chứng nhận QSDĐ số U099943 ngày 29/11/2002 và thửa số 28 từ bản đồ 49 giấy chứng nhận QSDĐ số AH 938581 ngày 28/12/2006 cùng với tài sản trên các thửa đất này cho ông Hồ Minh Đ và bà Lê Thị Q để bán đấu giá thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Trả lại phần giá trị tài sản được chia cho các con ông Đ, bà Q.

Đình chỉ đối với yêu cầu chia thửa đất số 07 từ bản đồ số 35.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Hồ Minh H; bị đơn ông Hồ Minh Đ, bà Lê Thị Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Minh C, bà Hồ Thị Thúy H2, bà Hồ Thị T1, bà Hồ Thị V1, ông Hồ Minh L, ông Hồ Minh V2, ông Hồ Minh Đ1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Anh T người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ Minh H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện, đơn kháng cáo của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Hoàng Thế T2 người đại diện theo ủy quyền của bà H2, ông T1, ông L, ông V2, ông Đ1 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện, đơn kháng cáo của nguyên đơn cụ thể chia khối tài sản nêu trên thành 10 phần bằng nhau.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo bị đơn ông Hồ Minh Đ, bà Lê Thị Q; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Minh C, bà Hồ Thị V1 và những người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Đức H1, ông Bùi Thế V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Hồ Minh H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Thúy H2, bà Hồ Thị T1, ông Hồ Minh L, ông Hồ Minh V2, ông Hồ Minh Đ1; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 43/2024/DS-ST, ngày 26/7/2024 của Tòa án nhân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 228/2024/TLPT-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2024, về việc “Yêu cầu chia tài sản chung” của bị đơn ông Hồ Minh Đ, bà Lê Thị Q; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Minh C, bà Hồ Thị V1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự:

Đề thi hành Bản án số 11/2020/DS-PT ngày 19/3/2020 của Tòa án nhân huyện Ea H'Leo, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo kê biên các tài sản của vợ chồng ông Hồ Minh Đ và Lê Thị Q là các thửa đất 69; 70; 70b cùng tờ bản đồ số: 34 và thửa số 07 tờ bản đồ số 35, địa chỉ tại xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất U099943 cấp ngày 29/11/2002 và thửa đất số: 28 tờ bản đồ số: 49 theo giấy chứng nhận QSDĐ số AH 938581 cấp ngày 28/12/2006.

Tại Thông báo số 1467/TB-CCTHADS, ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, đã xác định phần tài sản của ông Q, bà Đ là 6/10 phần còn lại 4/10 chia cho các con của ông Đ, bà Q.

Ông Hồ Minh H và các thành viên trong hộ ông Đ không đồng ý vì cho rằng, toàn bộ tài sản trên là của hộ cùng khai hoang tạo lập và được nhà nước cấp cho hộ nên yêu cầu chia thành 10 phần bằng nhau, ông Đ và bà Q chỉ được 2/10. Đồng thời, ông H cho rằng toàn bộ tài sản trên thửa đất số 28 tờ 49 là của ông H và tài sản trên các thửa đất số 69, 70, 70b là của ông L. Nên Ngày 22/11/ 2022 ông H khởi kiện yêu cầu Toà án phân chia tài sản chung của hộ gia đình là các quyền sử dụng đất nói trên.

[2]. Các thửa 69, 70, 70b tờ bản đồ 34 và thửa 28 tờ bản đồ 49 do ông Đ, bà Q khai hoang trước năm 1985 còn theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ thì kê khai có nguồn gốc khai hoang năm 1995. Đến năm 2002 và năm 2006 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đều mang tên hộ ông Hồ Minh Đ.

Theo Công an xã E, huyện E cung cấp thì hộ ông Hồ Minh Đ đăng ký hộ khẩu tại xã E vào năm 1994, có 08 nhân khẩu, gồm ông Đ, bà Q và các con là Hồ Minh C, sinh năm 1978; Hồ Thị T1, sinh năm 1983; Hồ Minh H, sinh năm 1986; Hồ Thị V1, sinh năm 1988; Hồ Minh L, sinh năm 1990; Hồ Minh V2, sinh năm 1992; đến năm 2002 có thêm Hồ Minh Đ1, sinh năm 1995 sống chung trong gia đình. Như vậy tại thời điểm cấp giấy chứng nhận QSDĐ (năm 2002 và 2006) thì hộ ông Hồ Minh Đ có 09 nhân khẩu. Bà Hồ Thị Thúy H2, sinh năm 1981 không có tên trong hộ khẩu.

Việc ông Hồ Minh H là thành viên trong hộ gia đình khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013. Tuy nhiên, việc ông H yêu cầu chia các thửa đất trên thành 10 phần bằng nhau là không phù hợp. Bởi lẽ, các thửa đất này được cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho Hộ gia đình từ năm 2002 và năm 2006 nhưng xét về nguồn gốc các thửa đất này do ông Đ, bà Q khai hoang năm 1985 (theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ khai hoang năm 1995), lúc đó ông H và những người con khác đang còn nhỏ còn phải nuôi ăn đi học, có người chưa sinh ra, nên công sức đóng góp của các con ông Đ, bà Q là không đáng

kể. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị Hồ Thị Thúy H2 không có tên trong hộ gia đình. Phần lớn công sức tạo nên khối tài sản này là của ông Đ và bà Q. Việc các thành viên trong hộ ông Hồ Minh Đ yêu cầu chia các thửa đất trên thành 10 phần bằng nhau là không phù hợp.

[3. Ông Hồ Minh H cho rằng tài sản trên các thửa đất 69, 70, 70b tờ 34 là cây trồng và 01 ngôi nhà xây cấp 4 là của ông Hồ Minh L và cây trồng trên thửa đất 28 tờ 49 là của ông Hồ Minh H tạo dựng. Xét thấy, việc ông H cho rằng tài sản trên đất là của ông và của ông L nhưng ông H, ông L không có chứng cứ nào chứng minh là của mình. Mặt khác, các thành viên trong gia đình ông Đ, bà Q tự công nhận với nhau và có cung cấp bản xác nhận của một số người như ông Nay Y C1, ông Lê Quang B và ông Đặng Thanh T6. Tuy nhiên, qua làm việc với những người này họ đều khai ông Đ mang bản xác nhận đến nhà nhờ họ ký và nói rằng nhờ xác nhận ranh giới để chia cho các con mà không nói rõ nội dung gì, do tin tưởng nên họ ký chứ không đọc nội dung, họ chỉ biết đó là rẫy của ông Đ còn tài sản trên đất là của ai thì họ không hề biết. Như vậy, không có căn cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu này. Hơn nữa, các tài sản này đang bị Cơ quan thi hành án kê biên để thực hiện nghĩa vụ trả khoản nợ của ông Đ và bà Q cho ông Phạm Văn H3 số tiền 1.123.566.000 đồng mà các thành viên trong hộ gia đình ông Đ tự nhận với nhau mục đích nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, nguyên đơn ông Hồ Minh H yêu cầu chia tài sản thành 10 phần bằng nhau là không có căn cứ để chấp nhận.

Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần khởi kiện của ông H, xác định đây là tài sản chung của hộ gia đình là thửa đất 69, 70, 70b tờ bản đồ 34 và thửa số 28 tờ bản đồ 49 trên và các tài sản trên các thửa đất này và xác định phần tài sản của ông Đ, bà Q là 60%; phần tài sản 40% còn lại chia cho các con của ông Đ, bà Q; cụ thể như sau: Ông Hồ Minh C, sinh năm 1978, được chia 7,5% giá trị trên tổng số tài sản; bà Hồ Thị T1, sinh năm 1983, tách khẩu năm 2007, nên chia cho 3,2% trên tổng số tài sản; ông Hồ Minh H, sinh năm 1986, tách khẩu năm 2014 nên chia cho 5,3%; ông Hồ Minh L, sinh năm 1990, hiện nay vẫn thuộc thành viên trong hộ nên chia cho 8,5%; bà Hồ Thị V1, sinh năm 1988 nên được chia cho 3,2% giá trị tài sản; ông Hồ Minh V2, sinh năm 1992 tách khẩu năm 2018, nên chia cho 4,2%; ông Hồ Minh Đ1, sinh năm 1995 hiện vẫn thuộc thành viên trong hộ nên chia cho 5,8% giá trị tài sản. Riêng đối với bà Hồ Thị Thúy H2 không có tên trong hộ nhưng có xác nhận của chính quyền thôn có thời gian cùng sống chung trong hộ nên chia công sức đóng góp cho 2,3% trên tổng giá trị tài sản là có căn cứ.

[4] Toàn bộ tài sản trên đang bị Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo kê biên bán đấu giá để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Đ, bà Q cho ông Phạm Văn H3. Các con của ông Đ, bà Q mỗi người chỉ được hưởng một phần nhỏ trên tổng giá trị tài sản nên các con ông Đ, bà Q không được chia bằng hiện vật mà chia theo tỉ lệ giá trị tài sản được hưởng bằng tiền là có căn cứ.

Cấp sơ thẩm giao toàn bộ tài sản là các thửa đất 69, 70, 70b tờ bản đồ 34 và thửa số 28 tờ bản đồ 49 và tài sản trên đất cho ông Đ, bà Q để bán đấu giá thực hiện

nghĩa vụ thi hành án; các con ông Đ, bà Q được trả bằng tiền theo tỉ lệ giá trị tài sản được chia tương ứng với giá tại thời điểm bán đấu giá thành là phù hợp.

[5]. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ số 35 nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu này là phù hợp.

[6]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo bị đơn ông Hồ Minh Đ, bà Lê Thị Q; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Minh C, bà Hồ Thị V1 và những người đại diện theo ủy quyền ông Lê Đức H1, ông Bùi Thế V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự; Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 228/2024/TLPT-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2024, về việc “Yêu cầu chia tài sản chung” của bị đơn ông Hồ Minh Đ, bà Lê Thị Q; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Minh C, bà Hồ Thị V1.

[7]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hồ Minh H, ông Hồ Minh Đ, bà Lê Thị Q, ông Hồ Minh C, bà Hồ Thị Thúy H2, bà Hồ Thị T1, bà Hồ Thị V1, ông Hồ Minh L, ông Hồ Minh V2, ông Hồ Minh Đ1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Hồ Minh H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Thúy H2, bà Hồ Thị T1, ông Hồ Minh L, ông Hồ Minh V2, ông Hồ Minh Đ1; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2024/DS-ST, ngày 26/7/2024 của Tòa án nhân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về Điều luật áp dụng: Các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 228, 289;295; 296 và Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 118 Bộ luật dân sự 1995 khoản 29 Điều 3 Luật đại năm 2013, các Điều 102, Điều 212 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

[3] Tuyên xử:

[3.1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Minh H:

Chia cho ông Hồ Minh Đ và bà Lê Thị Q 60% trên tổng các tài sản là thửa đất 69, 70, 70b từ bản đồ 34 giấy chứng nhận QSSĐ số U099943 ngày 29/11/2002; thửa số 28 tờ bản đồ 49, giấy chứng nhận QSĐĐ số AH 938581 ngày 28/12/2006 và các tài sản trên các thửa đất này.

[3.2]. Chia cho ông Hồ Minh H 5,3%; Hồ Minh C 7,5%; bà Hồ Thị T1 3,2%; ông Hồ Minh L, 8,5%; bà Hồ Thị V1 3,2%; ông Hồ Minh V2 4,2%; ông Hồ

Minh Đ1 5,8%; bà Hồ Thị Thúy H2 2,3% trên tổng giá trị tài sản tại các thửa đất nói trên.

[3.3] Không chấp nhận chia bằng hiện vật cho những người con của ông Đ bà Q mà chia bằng giá trị tài sản ứng với giá trị tại thời điểm cơ quan Thi hành án dân sự bán đấu giá thành.

[3.4] Không chấp nhận yêu cầu cho rằng tài sản trên các thửa đất 28 tờ 49 là của ông Hồ Minh H và tài sản trên các thửa đất 69, 70, 70b là của ông Hồ Minh L.

[3.5] Giao toàn bộ tài sản là các thửa đất 69, 70, 70b tờ bản đồ 34 giấy chứng nhận QSDĐ số U099943 ngày 29/11/2002 và thửa số 28 tờ bản đồ 49 giấy chứng nhận QSDĐ số AH 938581 ngày 28/12/2006 cùng với tài sản trên các thửa đất này cho ông Hồ Minh Đ và bà Lê Thị Q để bán đấu giá thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Trả lại phần giá trị tài sản được chia cho các con ông Đ, bà Q.

[3.6] Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia thửa đất số 07 tờ bản đồ số 35.

[3.7] Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 228/2024/TLPT-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2024, về việc “Yêu cầu chia tài sản chung” của bị đơn ông Hồ Minh Đ, bà Lê Thị Q; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Minh C, bà Hồ Thị V1

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định, đo vẽ và định giá tài sản: Số tiền chi phí 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*):

Ông H đã nộp chi phí thẩm định và định giá 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*, nên ông H được nhận lại của ông Hồ Minh Đ và bà Lê Thị Q phải chịu 6.000.000đ (*sáu triệu đồng*); ông Hồ Minh H phải chịu 530.000đ (*năm trăm ba mươi nghìn đồng*); ông Hồ Minh L phải chịu 850.000đ (*tám trăm năm mươi nghìn đồng*); ông Hồ Minh C phải chịu 750.000đ (*bảy trăm năm mươi nghìn đồng*); ông Hồ Minh Đ1 phải chịu 580.000đ (*năm trăm tám mươi nghìn đồng*); ông Hồ Minh V2 phải chịu 420.000đ (*bốn trăm hai mươi nghìn đồng*); bà Hồ Thị T1 phải chịu 320.000đ (*ba trăm hai mươi nghìn đồng*); bà Hồ Thị V1 phải chịu 320.000đ (*ba trăm hai mươi nghìn đồng*); bà Hồ Thị Thúy H2 phải chịu 230.000đ (*hai trăm ba mươi nghìn đồng*).

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Minh Đ và bà Lê Thị Q phải chịu 30.034.761đ (*ba mươi triệu không trăm ba mươi bốn nghìn bảy trăm sáu mươi mốt đồng*); ông Hồ Minh C phải chịu 4.067.931đ (*bốn triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi mốt đồng*); bà Hồ Thị T1 phải chịu 1.735.650đ (*một triệu bảy trăm ba mươi năm nghìn sáu trăm năm mươi đồng*), ông Hồ Minh H phải chịu 2.820.432đ (*hai triệu tám trăm hai mươi nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng*); ông Hồ Minh L phải chịu 4.610.322đ (*bốn triệu sáu trăm mười nghìn ba trăm hai mươi hai đồng*); bà Hồ Thị V1 phải chịu 1.735.650đ (*một triệu bảy trăm ba mươi năm nghìn sáu trăm năm mươi đồng*); ông Hồ Minh V2 phải chịu 2.278.041đ (*hai triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn không trăm bốn mươi mốt đồng*); ông Hồ Minh Đ1 phải chịu 3.145.866đ (*ba triệu một trăm bốn mươi năm nghìn tám*

trăm sáu sáu đồng); bà Hồ Thị Thúy H2 phải chịu 1.247.498đ (*một triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm chín tám đồng*).

Ông Hồ Minh H được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng tại biên lai số 0010984 ngày 06/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaH'Leo, ông H còn phải nộp thêm là 320.432đ (*ba trăm hai mươi nghìn bốn trăm ba hai đồng*).

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Hồ Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0002264 ngày 20/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Hồ Minh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0002265 ngày 20/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Lê Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0002266 ngày 20/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Hồ Minh C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0002258 ngày 20/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Hồ Thị Thúy H2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0002259 ngày 20/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Hồ Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0002263 ngày 20/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Hồ Thị V1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0002262 ngày 20/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Hồ Minh L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0002260 ngày 20/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Hồ Minh V2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0002261 ngày 20/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Hồ Minh Đ1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0002257 ngày 20/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'leo;
- Công TTĐT TANDTC
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

Đinh Thị Tuyết

